



CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ III NĂM 2015

CHO KỶ HOẠT ĐỘNG TỪ NGÀY 01/07/2015 ĐẾN NGÀY 30/09/2015

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Tầng 13, tòa nhà TTC, phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2-3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4-5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 15

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần PIV (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Hoàng Thị Hoài	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 28/08/2015)
Ông Lê Ngọc Tuấn	Chủ tịch HĐQT (Miễn nhiệm ngày 28/08/2015)
Bà Nguyễn Thu Huyền	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Đức	Thành viên
Ông Vũ Văn Cương	Thành viên
Ông Lê Tuấn Anh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trần Đức Dũng	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 14/04/2015)
Ông Tạ Ngọc Lâm	Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 14/04/2015)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Hà Nội, Ngày 18 tháng 10 năm 2015
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Đức Dũng

CÔNG TY CỔ PHẦN PIV

Tầng 13, tòa nhà TTC, phố Duy Tân,
Phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015
đến ngày 30/09/2015

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi, Hoàng Thị Hoài - Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần PIV, phê duyệt các báo cáo tài chính quý III năm 2015 kèm theo. Báo cáo tài chính Quý III năm 2015 kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/09/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Thay mặt và đại diện Hội đồng quản trị

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoàng Thị Hoài

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	30/09/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		50.787.438.935	40.355.627.131
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		14.514.705.727	2.842.458.345
1. Tiền	111	04	14.514.705.727	2.842.458.345
III. Các khoản phải thu	130		30.329.690.092	37.460.620.447
1. Phải thu khách hàng	131	05	26.385.904.009	37.682.742.341
2. Trả trước cho người bán	132	06	4.641.989.135	220.312.727
5. Các khoản phải thu khác	135			13.700.938
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(698.203.052)	(456.135.559)
IV. Hàng tồn kho	140	07	5.894.919.289	-
1. Hàng tồn kho	141		5.894.919.289	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		48.123.827	52.548.339
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	08	47.600.209	48.048.339
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		(3.976.382)	
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	09	4.500.000	4.500.000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.771.375.654	174.448.893
II. Tài sản cố định	220		3.682.163.636	73.280.000
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.682.163.636	73.280.000
- Nguyên giá	222		3.709.643.636	73.280.000
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(27.480.000)	-
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	-	-
- Nguyên giá	228		31.284.600	31.284.600
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(31.284.600)	(31.284.600)
V. Tài sản dài hạn khác	260	12	89.212.018	101.168.893
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		17.015.218	28.972.093
3. Tài sản dài hạn khác	268		72.196.800	72.196.800
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		54.558.814.589	40.530.076.024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 30 tháng 09 năm 2015

MÃ SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	30/09/2015	01/01/2015
1	2	3	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		26.771.301.711	22.022.693.845
I. Nợ ngắn hạn	310		26.771.301.711	22.022.693.845
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	13	7.318.880.477	17.521.815.968
3. Người mua trả tiền trước	313	14	13.457.572.006	2.389.838.896
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	4.058.259.423	1.571.552.441
5. Phải trả người lao động	315		72.640.000	61.975.450
6. Chi phí phải trả	316		219.618.182	31.818.182
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		53.459.229	400.055.170
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	1.545.234.656	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		45.637.738	45.637.738
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		27.787.512.878	18.507.382.179
I. Vốn chủ sở hữu	410		27.787.512.878	18.507.382.179
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	17	12.000.000.000	12.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	17	(52.800.000)	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	17	278.286.705	278.286.705
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	17	165.685.439	165.685.439
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	17	35.157.200	35.157.200
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420	17	15.361.183.534	6.028.252.835
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		54.558.814.589	40.530.076.024

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lương Thị Thu Hiền

Phí Thị Ngọc Anh

Trần Đức Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/07/2015 đến ngày 30/09/2015

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Từ 01/07/2015 đến	Từ 01/07/2014 đến	Từ 01/01/2015 đến	Từ 01/01/2014 đến
			30/09/2015	30/09/2014	30/09/2015	30/09/2014
1	2	3	4	5	5	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	18	56.674.783.306	4.107.442.657	120.813.996.311	62.210.071.943
2. Các khoản giảm trừ	3		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		56.674.783.306	4.107.442.657	120.813.996.311	62.210.071.943
4. Giá vốn hàng bán	11	19	51.162.916.410	3.894.025.971	105.006.491.247	58.355.550.450
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp DV	20		5.511.866.896	213.416.686	15.807.505.064	3.854.521.493
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		418.790	1.535.342	759.337	439.938.286
7. Chi phí tài chính	22		-	-	-	139.231.309
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	4.249.106
8. Chi phí bán hàng	24		25.850.000	-	1.660.720.311	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		557.416.311	202.498.952	2.182.248.322	733.066.505
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.929.019.375	12.453.076	11.965.295.768	3.422.161.965
11. Thu nhập khác	31		-	-	-	70.688.726
12. Chi phí khác	32		-	-	-	30.381.435
13. Lợi nhuận khác	40		-	-	-	40.307.291
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		4.929.019.375	12.453.076	11.965.295.768	3.462.469.256
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		1.084.384.263	2.490.615	2.632.365.069	161.499.912
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		3.844.635.112	9.962.461	9.332.930.699	3.300.969.344
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu			3.204	8	7.777	2.751

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2015

Tổng Giám đốc

Lương Thị Thu Hiền

Phí Thị Ngọc Anh

Trần Đức Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015

MẪU SỐ B 03-DN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2015 đến 30/09/2015	Từ 01/01/2014 đến 30/09/2014
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	142.582.237.569	66.977.528.266
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	2	(157.331.533.683)	(62.910.296.546)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(657.503.250)	(208.229.504)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-	(4.249.106)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-	(5.840.129)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	28.505.635.374	2.307.915.755
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(1.427.347.965)	(14.314.360.194)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	11.671.488.045	(8.157.531.458)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24		
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	8.410.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	759.337	2.927.941
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	759.337	8.412.927.941
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả VG cho các CSH, mua lại CP của DN đã p.hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	1.363.935.383
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(1.613.935.383)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(250.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	11.672.247.382	5.396.483
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	2.842.458.345	241.924.467
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	14.514.705.727	247.320.950

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Lương Thị Thu Hiền

Phí Thị Ngọc Anh

Trần Đức Dũng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần PIV được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102636059 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 29 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 11 tháng 09 năm 2015.

Vốn điều lệ của Công ty theo giấy đăng ký kinh doanh là 12.000.000.000 VND (Mười hai tỷ đồng Việt Nam), tương đương với 1.200.000 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2015 là 10 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn thiết bị máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Xuất bán phần mềm (trừ hoạt động xuất bản phẩm);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú);
- Sản xuất hàng may sẵn (trừ trang phục);
- Lập trình máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (chi tiết: Vật liệu xây dựng, thang máy);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác, chi tiết: - Xây lắp các công trình chuyên ngành bưu chính, viễn thông; - Xây dựng dân dụng, công nghiệp, các công trình hạ tầng đô thị và các khu dân cư;
- Bán buôn tổng hợp, chi tiết: Hóa chất, phụ gia xây dựng và vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác, chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị dùng trong mạch điện); - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy tính và thiết bị ngoại vi); - Bán buôn máy móc, thiết bị y tế; - Bán buôn máy móc, trang thiết bị trường học; - Bán buôn các thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, hóa học, vật lý;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Hoạt động viễn thông khác, chi tiết: Đại lý cung cấp các dịch vụ viễn thông;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa, chi tiết: Dịch vụ kho bãi;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không);
- Vận tải đường ống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác, chi tiết: - Sản xuất, cung cấp, lắp đặt, kinh doanh các thiết bị, sản phẩm nội ngoại thất dùng cho tòa nhà văn phòng, chung cư, khách sạn, nhà hàng; - Mua bán, lắp đặt các thiết bị phục vụ hệ thống thông tin, viễn thông truyền hình; - Lắp đặt thang máy; - Lắp đặt hệ thống âm thanh, ánh sáng;
- Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại, chi tiết: Dịch vụ tổ chức tài trợ, tổ chức sự kiện về văn đề kinh tế, xã hội, giải trí, thể thao, truyền hình; Lập và thực hiện các dự án truyền thông, dịch vụ văn hóa, giải trí du lịch;

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

- Hoạt động tư vấn quản lý, chi tiết: - Tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế); - Tư vấn cung cấp thông tin kinh tế, thị trường (Không bao gồm dịch vụ điều tra và cung cấp thông tin Nhà nước cấm); - Tư vấn cổ phần hóa, tái cơ cấu doanh nghiệp và mua bán sáp nhập doanh nghiệp (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính); - Tư vấn đấu thầu (Không bao gồm xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng);
- Đại lý, môi giới, đấu giá, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà, văn phòng, kho bãi;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê, chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà, văn phòng, kho bãi;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất, chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản; Dịch vụ tư vấn bất động sản; Dịch vụ quảng cáo bất động sản; Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình, chi tiết: Sản xuất phim quảng cáo, tiếp thị quảng cáo, quảng cáo tiếp thị đa phương tiện (truyền hình, internet, ấn phẩm báo chí, phát thanh trực tiếp) (không bao gồm sản xuất phim);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Sản xuất, kinh doanh, xuất nhập khẩu phao, phao cứu sinh, lò, bạt, vải các loại, hàng dệt may; - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Sửa chữa máy móc thiết bị;
- Cho thuê máy móc thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình công ích; Phá dỡ;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Sản xuất hóa chất cơ bản;
- Buôn bán chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Mua bán hóa chất công nghiệp; - Bán buôn sợi dệt, bán buôn bột giấy; - Bán buôn phế liệu, nguyên liệu để tái sinh;
- Bán buôn thực phẩm, chi tiết: Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt; Bán buôn thủy sản; Bán buôn rau, quả; Bán buôn chè, cà phê; Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột;
- Bán buôn nông, lâm, sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hành khách đường bộ khác, chi tiết: Vận chuyển hành khách bằng ô tô;
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (Trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác);
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: - Tư vấn, lắp đặt các thiết bị phòng thí nghiệm, hóa học, sinh học, vật lý; - Tư vấn chuyên giao công nghệ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu, chi tiết: Sản xuất thiết bị dạy học, thiết bị dạy nghề và thiết bị nghiên cứu dạy học;

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Tầng 13 tòa nhà TTC, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Các sự kiện quan trọng đã xảy ra trong năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng trong kỳ hoạt động có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính.

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	2015
	Số năm
Thiết bị văn phòng	3 - 6

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán đến thời điểm lập báo cáo đã hết khấu hao.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN		30/09/2015	01/01/2015
Tiền mặt		3,383,777,099	2,830,039,261
Tiền gửi ngân hàng		11,130,928,628	12,419,084
Cộng		14,514,705,727	2,842,458,345
5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG		30/09/2015	01/01/2015
Công ty CP Đầu tư xây dựng Bản Thái		21,778,159,543	-
Công ty CP Đầu tư và kinh doanh Địa ốc Hà Nội		3,898,654,110	-
CN CT TNHH Đầu tư XD Việt Phát tại Hải Dương		-	20,441,517,768
Công ty Cổ phần Thương mại Trường Lưu Thủy		-	5,603,756,997
Công ty cổ phần vận tải du lịch Thiên Ân		-	5,058,024,552
Các đối tượng khác		709,090,446	6,579,443,024
Cộng		26,385,904,099	37,682,742,341
6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN		30/09/2015	01/01/2015
Công ty CP TM và Xuất Nhập Khẩu Châu Dương		2,659,248,758	-
Công ty CP TM và Vật liệu XD Hoàng Gia		1,689,600,000	-
Các đối tượng khác		293,140,377	220,312,727
Cộng		4,641,989,135	220,312,727
7. HÀNG TỒN KHO		30/09/2015	01/01/2015
Hàng tồn kho		5,894,919,289	-
Cộng		5,894,919,289	-
Hàng tồn kho là vật liệu xây dựng			
8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN			
Chi phí trả trước ngắn hạn là chi phí thuê văn phòng tại tầng 13, tòa nhà TTC, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.			
9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC		30/09/2015	01/01/2015
Thuế khác nộp thừa		4,500,000	4,500,000
Cộng		4,500,000	4,500,000

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Khoản mục	Máy móc thiết bị	Thiết bị quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình			
Số dư tại 01/01/2015	-	73,280,000	73,280,000
- Mua trong kỳ	3,636,363,636	-	3,636,363,636
- XDCB hoàn thành	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư tại 30/09/2015	3,636,363,636	73,280,000	3,709,643,636
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư tại 01/01/2015	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	27,480,000	27,480,000

- Tăng khác			-
- Chuyển sang BĐS đầu tư			-
- Thanh lý, nhượng bán			-
- Giảm khác			-
Số dư tại 30/09/2015	-	27,480,000	27,480,000
Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình			
- Tại ngày 01/01/2015	-	73,280,000	73,280,000
- Tại ngày 30/09/2015	3,636,363,636	45,800,000	3,682,163,636

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán đến thời điểm lập báo cáo đã hết khấu hao.

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Ký quỹ, ký cược dài hạn	72,196,800	72,196,800
Cộng	72,196,800	72,196,800

Tài sản dài hạn khác là tiền đặt cọc thuê văn phòng.

13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Công ty TNHH RCE Việt Nam	589,712,794	113,921,500
CT CP dịch vụ & Định hướng phát triển Spa pro	1,738,960,568	-
Công ty CP Đầu tư thiết bị công nghiệp Hữu Nghị	1,771,038,745	-
Công ty cổ phần vận tải du lịch Thiên Ân	-	6,810,332,500
Công ty CP thương mại và dịch vụ Kim Diệp	-	5,682,677,910
Các đối tượng khác	3,808,881,164	4,914,884,058
Cộng	7,318,880,477	17,521,815,968

14. NGƯỜI MUA TRẢ TRƯỚC TIỀN HÀNG

	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Công ty CP Cầu 14 - Cienco 1	6,121,467,601	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Phú Xuân	6,791,265,509	-
Công ty TNHH Lâm Nam	-	1,845,000,000
Các đối tượng khác	544,838,896	544,838,896
Cộng	13,457,572,006	2,389,838,896

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>30/09/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Thuế GTGT bán hàng nội địa phải nộp	242,811,857	388,469,994
Thuế TNDN	3,815,447,566	1,183,082,447
Cộng	4,058,259,423	1,571,552,441

16. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Dự phòng bảo hành sản phẩm là ước tính chính xác nhất của Ban Tổng Giám đốc về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành 12 tháng Công ty áp dụng đối với hàng hóa đã bán trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các sản phẩm lỗi.

Dự phòng bảo trì sản phẩm là các khoản chi phí ước tính cho việc sửa chữa các sản phẩm Công ty cung cấp cho khách hàng. Chi phí ước tính cho 9 tháng đầu năm 2015 là 1.545.234.656 VND. Các khoản chi phí này không được chiết khấu để xác định dự phòng bảo trì sản phẩm do ảnh hưởng của chúng là không trọng yếu.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

A	Vốn đầu tư của chủ sở hữu 1	Thặng dư vốn cổ phần 2	Lợi nhuận chưa phân phối 3	Quỹ dự phòng tài chính 4	Quỹ đầu tư phát triển 5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu 6
Số dư tại ngày 01/01/2015	12,000,000,000	-	6,028,252,835 9,332,930,699	165,685,439	278,286,705	35,157,200
- Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Giảm trong kỳ	-	(52,800,000)	-	-	-	-
Số dư tại ngày 30/09/2015	<u>150,000,000,000</u>	<u>(52,800,000)</u>	<u>15,361,183,534</u>	<u>165,685,439</u>	<u>278,286,705</u>	<u>35,157,200</u>

Cổ phiếu:

	30/09/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1,200,000	1,200,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1,200,000	1,200,000
- Cổ phiếu phổ thông	1,200,000	1,200,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1,200,000	1,200,000
- Cổ phiếu phổ thông	1,200,000	1,200,000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:	10,000	10,000

18. DOANH THU

	Từ 01/01/2015 Đến 30/09/2015	Từ 01/01/2014 Đến 30/09/2014
Tổng doanh thu	120,813,996,311	62,210,071,943
Doanh thu bán hàng hóa	120,913,996,311	62,210,071,943
Cộng	120,813,996,311	62,210,071,943

19. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2015 Đến 30/09/2015	Từ 01/01/2014 Đến 30/09/2014
Doanh thu bán hàng hóa	105,006,491,247	58,355,550,450
Cộng	105,006,491,247	58,355,550,450

20. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khóa sổ đến thời điểm phát hành báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu và cần phải trình bày trên báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015 của Công ty.

Hà Nội, ngày 18 tháng 10 năm 2015

Người lập biểu	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Lương Thị Thu Hiền	Phí Thị Ngọc Anh	Trần Đức Dũng